**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP**

**CỦA CHƯƠNG TRÌNH GD PHỔ THÔNG 2018**

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được chia thành hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản (từ lớp 1 đến lớp 9) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (từ lớp 10 đến lớp 12).

Hệ thống môn học và hoạt động giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp (gọi tắt là các môn học lựa chọn) và các môn học tự chọn.

Thời gian thực học trong một năm học tương đương 35 tuần. Các cơ sở giáo dục có thể tổ chức dạy học 1 buổi/ngày hoặc 2 buổi/ngày. Cơ sở giáo dục tổ chức dạy học 1 buổi/ngày và 2 buổi/ngày đều phải thực hiện nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất đối với tất cả cơ sở giáo dục trong cả nước.

**1. Nội dung giáo dục**

**1.1. Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc:** Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương.

**1.2. Các môn học lựa chọn gồm 3 nhóm môn:**

– Nhóm môn khoa học xã hội: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

– Nhóm môn khoa học tự nhiên: Vật lí, Hoá học, Sinh học.

– Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật: Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật). Học sinh chọn 5 môn học từ 3 nhóm môn học trên, mỗi nhóm chọn ít nhất 1 môn học.

**1.3. Các chuyên đề học tập**:

- Mỗi môn học Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

- Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, học sinh chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

Các trường có thể xây dựng các tổ hợp môn học từ 3 nhóm môn học và chuyên đề học tập nói trên để vừa đáp ứng nhu cầu của người học vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường.

**1.4. Các môn học tự chọn**: Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2.

**2. Thời lượng giáo dục**

Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút. Khuyến khích các trường trung học phổ thông đủ điều kiện thực hiện dạy học 2 buổi/ngày theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục cấp trung học phổ thông

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung giáo dục** | | **Số tiết/năm học/lớp** |
| **Môn học bắt buộc** | Ngữ văn | 105 |
| Toán | 105 |
| Ngoại ngữ 1 | 105 |
| Giáo dục thể chất | 70 |
| Giáo dục quốc phòng và an ninh | 35 |
| **Môn học lựa chọn** | | |
| Nhóm môn khoa học xã hội | Lịch sử | 70 |
| Địa lí | 70 |
| Giáo dục kinh tế và pháp luật | 70 |
| Nhóm môn khoa học tự nhiên | Vật lí | 70 |
| Hoá học | 70 |
| Sinh học | 70 |
| Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật | Công nghệ | 70 |
| Tin học | 70 |
| Âm nhạc | 70 |
| Mĩ thuật | 70 |
| **Chuyên đề học tập lựa chọn**(3 cụm chuyên đề) | | 105 |
| **Hoạt động giáo dục bắt buộc** | Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp | 105 |
| **Nội dung giáo dục của địa phương** | | 35 |
| **Môn học tự chọn** | | |
| Tiếng dân tộc thiểu số | | 105 |
| Ngoại ngữ 2 | | 105 |
| **Tổng số tiết học/năm học**(không kể các môn học tự chọn) | | **1015** |
| **Số tiết học trung bình/tuần**(không kể các môn học tự chọn) | | **29** |